

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2016 ĐẾN 30/6/2016**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	02-03
BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN GIỮA NIÊN ĐỘ	04
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	05-08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	09-10
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ	11
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	12-26

020  
CỔ  
ĐIẾ  
JV  
CH  
M  
VII

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

Tầng 3 - Số 117 - Đường Quang Trung

Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Bà Thái Thị Nga

Chủ tịch

Bà Thái Hương

Phó Chủ tịch

Ông Đặng Thái Nguyên

Ủy viên

##### Ban Tổng Giám đốc

Ông Đặng Thái Nguyên

Tổng Giám đốc

Ông Vũ Văn Tâm

Phó Tổng Giám đốc

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng với Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

#### CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và quy định về quản trị Công ty tại Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính về việc Quy định quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đặng Thái Nguyên

Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 10 tháng 8 năm 2016



**Chi nhánh Miền Trung/Central Branch:**

P.1301 Chung cư Tháp đôi Dầu khí, số 7 Đ. Quang Trung, TP Vinh, Nghệ An  
Suite 1301, Petrol Building, 7 Quang Trung Str., Vinh City, Nghe An Province  
Tel: (038) 3 848 810 Fax: (038) 3 560 040

Số: 168/2016/BCSX-UHY ACA MT

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt ("Công ty") gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30/6/2016, Báo cáo thu nhập toàn diện, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016 từ trang 04 đến trang 26 kèm theo.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán áp dụng với Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán áp dụng với Công ty chúng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Duy Tuấn

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1951-2014-112-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA

- Chi nhánh Miền Trung

Nghệ An, ngày 10 tháng 8 năm 2016



**BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

**MẪU SỐ B01g-CTCK**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>				
1.6. Doanh thu môi giới chứng khoán	06		221.981.244	451.606.256
1.8. Doanh thu tư vấn	08		70.454.450	99.256.349
1.10. Doanh thu lưu ký chứng khoán	10		103.869.148	84.627.050
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11		38.129.000	25.246.100
<b>Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 -&gt; 11)</b>	<b>20</b>		<b>434.433.842</b>	<b>660.735.755</b>
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
2.7. Chi phí môi giới chứng khoán	27		1.179.064.047	1.059.405.208
2.9. Chi phí tư vấn	29		56.428.920	40.040.517
2.11. Chi phí lưu ký chứng khoán	31		114.146.926	316.251.132
<b>Cộng chi phí hoạt động (40 = 21-&gt;33)</b>	<b>40</b>		<b>1.349.639.893</b>	<b>1.415.696.857</b>
<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không có định phát sinh trong kỳ	42		781.175.035	981.301.522
<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41-&gt;44)</b>	<b>50</b>		<b>781.175.035</b>	<b>981.301.522</b>
<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>				
4.2. Chi phí lãi vay	52		45.250.001	144.600.001
<b>Cộng chi phí tài chính (60 = 51-&gt;54)</b>	<b>60</b>		<b>45.250.001</b>	<b>144.600.001</b>
<b>V. CHI BÁN HÀNG</b>				
	61		-	-
<b>VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>				
	62	VI.1	545.867.792	563.741.581
<b>VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70= 20+50-40-60-61-62)</b>	<b>70</b>		<b>(725.148.809)</b>	<b>(482.001.162)</b>
<b>VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>				
8.1. Thu nhập khác	71		-	100.000.000
8.2. Chi phí khác	72		-	4.132.152
<b>Cộng kết quả hoạt động khác (80= 71-72)</b>	<b>80</b>		<b>-</b>	<b>95.867.848</b>
<b>IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70 + 80)</b>				
	90		<b>(725.148.809)</b>	<b>(386.133.314)</b>
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		(725.148.809)	(386.133.314)
<b>X. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>				
	100	VI.2	-	-
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1		-	-
<b>XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)</b>				
	200		<b>(725.148.809)</b>	<b>(386.133.314)</b>
11.1. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho chủ sở hữu	201		(725.148.809)	(386.133.314)
<b>XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN</b>				
	300		-	-
<b>Tổng thu nhập toàn diện</b>	<b>400</b>		<b>(725.148.809)</b>	<b>(386.133.314)</b>
Thu nhập toàn diện phân bổ cho chủ sở hữu	401		(725.148.809)	(386.133.314)
<b>XIII. THU NHẬP THUẬN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG</b>				
	500		<b>(725.148.809)</b>	<b>(386.133.314)</b>
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	VI.3	(193)	(103)

Cao Thị Hương  
Người lập biểu

Nguyễn Hà Nam  
Kế toán trưởng

Đặng Thái Nguyên  
Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 10 tháng 8 năm 2016

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

**MẪU SỐ B02g-CTCK**

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	30/6/2016	01/01/2016
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)</b>	<b>100</b>		<b>34.731.925.774</b>	<b>35.284.181.317</b>
<b>I. Tài sản tài chính (110 = 111 -&gt;129)</b>	<b>110</b>		<b>34.313.578.525</b>	<b>35.284.002.897</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	V.1	32.405.492.540	31.807.060.828
1.1. Tiền	111.1		10.405.492.540	11.807.060.828
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		22.000.000.000	20.000.000.000
7. Các khoản phải thu	117		755.783.333	2.552.666.666
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		755.783.333	2.552.666.666
9. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119		410.369.148	241.353.829
11. Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán	121		-	-
12. Các khoản phải thu khác	122		741.933.504	682.921.574
<b>II. Tài sản ngắn hạn khác (130 = 131-&gt;136)</b>	<b>130</b>		<b>418.347.249</b>	<b>178.420</b>
1. Tạm ứng	131		197.632.249	178.420
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133		220.715.000	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)</b>	<b>200</b>		<b>6.495.040.154</b>	<b>7.028.698.646</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>V.3</b>	<b>1.276.553.032</b>	<b>1.500.482.938</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		1.002.362.109	1.166.176.881
- Nguyên giá	222		3.302.251.467	3.302.251.467
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(2.299.889.358)	(2.136.074.586)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.4	274.190.923	334.306.057
- Nguyên giá	228		1.260.867.750	1.260.867.750
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(986.676.827)	(926.561.693)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>250</b>		<b>5.218.487.122</b>	<b>5.528.215.708</b>
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		43.790.909	43.790.909
2. Chi phí trả trước dài hạn	252		28.033.348	60.076.678
4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	V.5	5.146.662.865	5.424.348.121
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>41.226.965.928</b>	<b>42.312.879.963</b>



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

**MẪU SỐ B02g-CTCK**  
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	30/6/2016	01/01/2016
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)</b>	<b>300</b>		<b>1.460.066.991</b>	<b>1.608.893.117</b>
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		1.460.066.991	1.608.893.117
1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	311	V.6	1.000.000.000	1.000.000.000
1.2. Vay ngắn hạn	312		1.000.000.000	1.000.000.000
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		46.422.553	46.422.553
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320		256.260.521	277.205.520
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	V.7	38.417.015	6.287.831
11. Phải trả người lao động	323		61.494.587	71.647.600
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325		47.750.001	109.959.699
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329		168.114	168.114
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		9.554.200	97.201.800
<b>D.VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)</b>	<b>400</b>		<b>39.766.898.937</b>	<b>40.703.986.846</b>
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.8	39.766.898.937	40.703.986.846
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		37.500.000.000	37.500.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		37.500.000.000	37.500.000.000
a. Vốn pháp định	411.1a		35.000.000.000	35.000.000.000
b. Vốn bổ sung	411.1b		2.500.000.000	2.500.000.000
1.4. Vốn khác của chủ sở hữu	411.4		366.101.544	366.101.544
4. Quỹ dự trữ điều lệ	414		366.101.544	366.101.544
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghề nghiệp	415		366.101.544	366.101.544
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417		1.168.594.305	2.105.682.214
7.1. Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		1.168.594.305	2.105.682.214
<b>TỔNG CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>430</b>		<b>39.766.898.937</b>	<b>40.703.986.846</b>
<b>TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>440</b>		<b>41.226.965.928</b>	<b>42.312.879.963</b>
LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ	450		-	-
1. Lợi nhuận đã phân phối cho Nhà đầu tư trong năm	451		-	-



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ(Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B02g-CTCK

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	30/6/2016	01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>			<i>Đơn vị: Đồng Việt Nam</i>	
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận thế chấp	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	005		-	-
6. Cổ phiếu đang lưu hành	006		-	-
7. Cổ phiếu quỹ	007		-	-
8. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008		-	-
9. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009		-	-
10. Tài sản tài chính chờ về của CTCK	010		-	-
11. Tài sản tài chính sửa lỗi giao dịch của CTCK	011		-	-
12. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012		-	-
13. Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK	013		-	-

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

MÃ SỐ B02g-CTCK

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	30/6/2016	01/01/2016
<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>				
			<i>Đơn vị: Số lượng chứng khoán</i>	
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021		112.483.265	73.834.358
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		82.857.574	44.673.011
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		-	-
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		29.600.000	29.100.000
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		7.191	7.947
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		18.500	53.400
f. Tài sản tài chính chờ cho vay	021.6		-	-
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022		586.391	607.941
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		586.391	607.941
3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023		-	-
4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư	024		-	-
5. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	025		-	-
			<i>Đơn vị: Đồng Việt Nam</i>	
6. Tiền gửi của khách hàng	026		516.270.000	247.860.000
6.1. Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán	027		516.270.000	247.860.000
b. Tiền của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Ngân hàng thương mại quản lý	027.2		516.270.000	247.860.000
6.4. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	029		53.456.705	44.876.360
8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Ngân hàng thương mại quản lý	031		516.270.000	247.860.000
8.2. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Ngân hàng thương mại quản lý	031.2		516.270.000	247.860.000
12. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		53.456.705	44.876.360

Cao Thị Hương  
Người lập biểu

Nguyễn Hà Nam  
Kế toán trưởng



Đặng Thái Nguyên  
Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 10 tháng 8 năm 2016




**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

**MẪU SỐ B03bg-CTCK**

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01		(725.148.809)	(386.133.314)
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02		-	-
- Khấu hao TSCĐ	03		223.929.906	223.929.906
- Chi phí phải trả, chi phí trả trước	06		365.918.331	507.840.103
- Dự thu tiền lãi	08		(755.783.333)	(903.476.387)
6. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	42		(891.083.905)	(557.839.692)
(-) Tăng, (+) giảm phải thu tiền lãi các tài sản tài chính	44		1.796.883.333	(855.263.796)
(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	45		(169.015.319)	(583.627.050)
(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	47		(256.465.759)	(523.301.364)
(+) Tăng, (-) giảm phải trả cho người bán	48		(20.944.999)	171.903.023
(+) Tăng, (-) giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	50		32.129.184	(40.736.949)
(+)Tăng, (-) giảm phải trả, phải nộp khác	51		(31.098.012)	194.401.845
(+) Tăng, (-) giảm thuế TNDN CTCK đã nộp	52		-	(5.832.036)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	53		322.774.587	162.466.461
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	54		(210.139.100)	(2.433.180.601)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>60</b>		<b>573.040.010</b>	<b>(4.471.010.159)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	62		-	100.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	65		25.391.702	77.825.135
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>70</b>		<b>25.391.702</b>	<b>177.825.135</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền vay gốc	73		-	5.400.000.000
3.2. Tiền vay khác	73.2		-	5.400.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	74		-	(2.200.000.000)
4.3. Tiền chi trả gốc vay khác	74.3		-	(2.200.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>80</b>		<b>-</b>	<b>3.200.000.000</b>
<b>IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</b>	<b>90</b>		<b>598.431.712</b>	<b>(1.093.185.024)</b>
<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>101</b>		<b>31.807.060.828</b>	<b>36.855.576.658</b>
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	102		31.657.104.124	36.634.008.339
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	102.1		11.657.104.124	13.088.240.651
- Các khoản tương đương tiền	102.2		20.000.000.000	23.545.767.688
<b>VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>103</b>		<b>32.405.492.540</b>	<b>35.762.391.634</b>
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	104		32.351.439.320	35.577.727.498
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	104.1		10.351.439.320	11.934.480.303
- Các khoản tương đương tiền	104.2		22.000.000.000	23.643.247.195

  
Cao Thị Hương  
Người lập biểu

  
Nguyễn Hà Nam  
Kế toán trưởng

  
  
Đặng Thái Nguyên  
Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 10 tháng 8 năm 2016



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

MẪU SỐ B03bg-CTCK

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>			-	-
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		19.270.914.800	15.026.314.200
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(10.378.907.900)	(8.477.051.700)
3. Tiền thu bán chứng khoán ủy thác của khách hàng	03		-	-
4. Tiền chi bán chứng khoán ủy thác của khách hàng	04		-	-
5. Thu tiền từ tài khoản vãng lai của khách hàng	05		34.492.677.000	235.947.655.397
6. Chi tiền từ tài khoản vãng lai của khách hàng	06		(43.116.273.900)	(242.475.811.897)
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	20		268.410.000	21.106.000
<b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng</b>				
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	30		247.860.000	400.144.000
-Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Ngân hàng thương mại quản lý Trong đó có kỳ hạn:	33		247.860.000	400.144.000
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	38		-	-
<b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng</b>				
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	40		516.270.000	421.250.000
-Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Ngân hàng thương mại quản lý Trong đó có kỳ hạn	43		516.270.000	421.250.000
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	48		-	-

Cao Thị Hương  
Người lập biểu

Nguyễn Hà Nam  
Kế toán trưởng



Đặng Thái Nguyên  
Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 10 tháng 8 năm 2016

**BÁO CÁO TÍNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

Mẫu B04g - CTCK  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
		01/01/2015	01/01/2016	Kỳ trước		Kỳ này		30/06/2015	30/06/2016
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		37.500.000.000	37.500.000.000	-	-	-	-	37.500.000.000	37.500.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu		366.101.544	366.101.544	-	-	-	-	366.101.544	366.101.544
7. Quỹ dự trữ điều lệ		352.208.701	366.101.544	-	-	-	-	352.208.701	366.101.544
8. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghề nghiệp		366.101.544	366.101.544	-	-	-	-	366.101.544	366.101.544
10. Lợi nhuận chưa phân phối		3.201.661.345	2.105.682.214	-	(404.133.314)	-	(937.087.909)	2.797.528.031	1.168.594.305
<b>Cộng</b>		<b>41.786.073.134</b>	<b>40.703.986.846</b>	<b>-</b>	<b>(404.133.314)</b>	<b>-</b>	<b>(937.087.909)</b>	<b>41.381.939.820</b>	<b>39.766.898.937</b>



Cao Thị Hương  
Người lập biểu



Nguyễn Hà Nam  
Kế toán trưởng



Đặng Thái Nguyên  
Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 10 tháng 8 năm 2016



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Mẫu số B05- CTCK**

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001024 ngày 23/10/2006 và thay đổi lần thứ 02 ngày 09/8/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp; Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 19/UBCK-GPHĐKD ngày 27/10/2006 và giấy phép điều chỉnh số 210/UBCK-GP ngày 16/3/2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty tại ngày 30/06/2016 là 37.500.000.000 đồng.

Điều lệ hoạt động công ty chứng khoán ban hành ngày 10 tháng 04 năm 2004.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư tài chính.

Trụ sở chính: Tầng 3, số 117, đường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2016 là 12 người (tại ngày 31/12/2015 là 12 người).

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng với Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**2. Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính này là báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016.

**3. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Năm 2016, Công ty lần đầu tiên áp dụng Thông tư 210/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30/12/2014 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư 210/2014/TT-BTC thể hiện sự thay đổi trong tên gọi và cách trình bày một số khoản mục trên Báo cáo tình hình tài chính, Báo cáo thu nhập toàn diện, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Theo đó, một số số liệu của Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày đã được trình bày lại cho mục đích so sánh do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 210 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Mẫu số B05- CTCK**

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty thực hiện kế toán công ty chứng khoán trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan và Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính.

**3. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là: Nhật ký sổ cái.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng với Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ; tiền gửi ngân hàng; các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán bao gồm tiền gửi thanh toán của Công ty.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán là số tiền của công ty chứng khoán để sẵn sàng tham gia thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán.

**3. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**4. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản hữu hình được ghi nhận là tài sản cố định hữu hình nếu thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Mẫu số B05- CTCK**

**4. Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)**

**Nguyên giá**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

**Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc, thiết bị	03-05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04-10

**5. Tài sản cố định vô hình**

Mọi chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau mà không hình thành tài sản cố định hữu hình thì được coi là tài sản cố định vô hình: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

**Nguyên giá**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn khi được giao đất hoặc số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, hoặc giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn liên doanh.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau thì được tính vào nguyên giá tài sản cố định vô hình: (i) Chi phí này có khả năng làm cho tài sản cố định vô hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu; (ii) Chi phí được đánh giá một cách chắc chắn và gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể.

**Khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Tài sản cố định vô hình khác	04-12



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Mẫu số B05- CTCK**

**6. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**7. Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư.

**9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu**

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà Công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền.

**10. Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: (i) Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; (ii) Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và (iii) Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

**11. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**12. Doanh thu**

***Hoạt động môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán***

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán và lưu ký chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi thực thu.

***Doanh thu hoạt động tư vấn***

Doanh thu hoạt động tư vấn được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Mẫu số B05- CTCK**

***Doanh thu khác***

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi kỳ phiếu ngân hàng... Doanh thu khác được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh theo cơ sở dồn tích.

**13. Thuế**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành***

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

***Thuế Giá trị gia tăng***

Các hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty bao gồm: môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán thuộc đối tượng không chịu thuế Giá trị gia tăng.

Các hoạt động và dịch vụ khác: chịu thuế Giá trị gia tăng 10%.

***Thuế khác***

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**15. Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty mẹ, các Công ty con của Công ty mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty; Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên quan này, những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**16. Công cụ tài chính**

Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam có hiệu lực bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2011. Việc trình bày chi tiết về công cụ tài chính xem thuyết minh số VII.4.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B05- CTCK

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

(Đơn vị tính: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Tiền mặt	54.053.220	149.956.704
Tiền gửi ngân hàng	6.619.954.807	11.657.104.124
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	3.731.484.513	-
Các khoản tương đương tiền	22.000.000.000	20.000.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng (*)</i>	<i>22.000.000.000</i>	<i>20.000.000.000</i>
<b>Cộng</b>	<b>32.405.492.540</b>	<b>31.807.060.828</b>

(\*) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số VND/002LN/16V tại Ngân hàng TMCP Bắc Á – Chi nhánh Nghệ An, số tiền gốc 10.000.000.000 đồng, lãi suất 6,9%/năm; Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 18965/08000078 tại Ngân hàng TMCP Bắc Á – Chi nhánh Hàng Đậu, số tiền gốc 10.000.000.000 đồng, lãi suất 7,1%/năm; Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 25326/2505308 tại Ngân hàng TMCP Bắc Á – Chi nhánh Hàng Đậu, số tiền gốc 2.000.000.000 đồng lãi suất 7,1%/năm.

2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
Của Nhà đầu tư		
Cổ phiếu	7.848.734	77.683.490.900
Trái phiếu	10.940.000	1.066.414.643.356
<b>Cộng</b>	<b>18.788.734</b>	<b>1.144.098.134.256</b>



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B05 - CTCK

3. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu kỳ	2.243.161.467	1.059.090.000	3.302.251.467
Số dư cuối kỳ	2.243.161.467	1.059.090.000	3.302.251.467
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng</i>	1.024.558.778	-	1.024.558.778
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu kỳ	2.021.339.830	114.734.756	2.136.074.586
Khấu hao trong kỳ	110.860.272	52.954.500	163.814.772
Số dư cuối kỳ	2.132.200.102	167.689.256	2.299.889.358
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu kỳ	221.821.637	944.355.244	1.166.176.881
Tại ngày cuối kỳ	110.961.365	891.400.744	1.002.362.109

4. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu kỳ	1.260.867.750	1.260.867.750
Số dư cuối kỳ	1.260.867.750	1.260.867.750
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu kỳ	926.561.693	926.561.693
Khấu hao trong kỳ	60.115.134	60.115.134
Số dư cuối kỳ	986.676.827	986.676.827
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu kỳ	334.306.057	334.306.057
Tại ngày cuối kỳ	274.190.923	274.190.923

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B05 - CTCK

5. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	Kỳ này
Số dư đầu kỳ	5.424.348.121
Trung tâm Lưu ký Chứng khoán hoàn trả phần chênh lệch số tiền phải đóng góp nhỏ hơn tiền lãi được phân bổ	(277.685.256)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>5.146.662.865</b>

6. Vay và nợ thuê Tài sản tài chính ngắn hạn

Đối tượng	Đầu kỳ	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Cuối kỳ
<b>Vay ngắn hạn:</b>				
Ngân hàng TMCP Bắc Á - Chi nhánh Hàng Đậu (*)	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.000.000.000</b>

(\*) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bắc Á – Chi nhánh Hàng Đậu theo Hợp đồng vay số 78628/HĐTD ngày 22/12/2015, thời hạn vay là 6 tháng, lãi suất trong hạn là 9,5%/năm, thế chấp bằng hợp đồng tiền gửi số 120001000018964 và 120001000018965. Tại ngày 30/06/2016, khoản vay này đã quá thời hạn thanh toán và 2 hợp đồng tiền gửi được dùng để thế chấp nói trên cũng đã được tắt toán.

7. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Thuế giá trị gia tăng	95	-
Thuế thu nhập cá nhân	37.916.920	6.287.831
Các loại thuế khác	500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>38.417.015</b>	<b>6.287.831</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B05 - CTCK

8. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>NĂM TRƯỚC</b>						
Số dư đầu năm	37.500.000.000	366.101.544	352.208.701	366.101.544	3.201.661.345	41.786.073.134
Lãi trong năm	-	-	-	-	(1.018.278.602)	(1.018.278.602)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	13.892.843	-	-	13.892.843
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(41.678.529)	(41.678.529)
Giảm khác	-	-	-	-	(36.220.000)	(36.220.000)
Số dư cuối năm	37.500.000.000	366.101.544	366.101.544	366.101.544	2.105.682.214	40.703.986.846
<b>KỶ NÀY</b>						
Số dư đầu kỳ	37.500.000.000	366.101.544	366.101.544	366.101.544	2.105.682.214	40.703.986.846
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	(725.148.809)	(725.148.809)
Giảm khác (*)	-	-	-	-	(211.939.100)	(211.939.100)
Số dư cuối kỳ	37.500.000.000	366.101.544	352.208.701	366.101.544	1.168.594.305	39.766.898.937

(\*) Thanh toán tiền thưởng kinh doanh năm 2015 cho Cán bộ công nhân viên Công ty theo Biên bản họp Hội đồng quản trị thường niên năm 2016 và chi trả thù lao 6 tháng đầu năm 2016 cho Chủ tịch Hội đồng quản trị không chuyên trách.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Mẫu số B05 - CTCK**

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối kỳ	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của Tổ chức	-	-	4.000.000.000	10,67
- Ngân hàng TMCP Bắc Á	-	-	4.000.000.000	10,67
Vốn góp của cá nhân	33.500.000.000	89,33	33.500.000.000	89,33
- Thái Thị Nga	4.000.000.000	10,67	4.000.000.000	10,67
- Thái Hương	4.000.000.000	10,67	4.000.000.000	10,67
- Đặng Thái Nguyên	4.000.000.000	10,67	4.000.000.000	10,67
- Thái Doãn Sơn	4.000.000.000	10,67	4.000.000.000	10,67
- Trương Thị Kim Thư	4.000.000.000	10,67	4.000.000.000	10,67
- Hồ Thị Vinh	4.000.000.000	10,67	4.000.000.000	10,67
- Nguyễn Hà Nam	6.500.000.000	17,33	2.500.000.000	6,66
- Nguyễn Trọng Trung	3.200.000.000	8,53	3.200.000.000	8,53
- Thái Thị Lương	2.800.000.000	7,46	2.800.000.000	7,46
- Thái Doãn Lộc	1.000.000.000	2,66	1.000.000.000	2,66
<b>Cộng</b>	<b>37.500.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>37.500.000.000</b>	<b>100,00</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu kỳ	37.500.000.000	37.500.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	37.500.000.000	37.500.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	-	-

**d) Cổ phiếu**

	Cuối kỳ Cổ phiếu	Đầu kỳ Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>3.750.000</b>	<b>3.750.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>3.750.000</b>	<b>3.750.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	3.750.000	3.750.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>3.750.000</b>	<b>3.750.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	3.750.000	3.750.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Mẫu số B05 - CTCK**

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN**

(Đơn vị tính: VND)

**1. Chi phí quản lý công ty chứng khoán**

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	226.390.500	226.390.506
Chi phí vật liệu quản lý	22.993.332	30.539.712
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	23.000.000
Khấu hao Tài sản cố định	52.954.500	52.954.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	187.470.760	141.110.873
Chi phí khác	53.058.700	98.745.990
<b>Cộng</b>	<b>545.867.792</b>	<b>563.741.581</b>

**2. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**2.1. Thuế suất**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

**2.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Lợi nhuận trước thuế	(725.148.809)	(386.133.314)
Lợi nhuận trước thuế trước điều chỉnh lỗ kỳ trước	-	-
Lỗ kỳ trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành	-	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Lợi nhuận sau thuế	(725.148.809)	(386.133.314)
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(725.148.809)	(386.133.314)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	3.750.000	3.750.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(193)</b>	<b>(103)</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Mẫu số B05 - CTCK**

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

(Đơn vị tính: VND)

**1. Thông tin về các bên liên quan**

***Nghệp vụ với các bên liên quan:***

Trong kỳ, Ngân hàng TMCP Bắc Á - cổ đông sáng lập nắm giữ 10,67% vốn điều lệ của Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của mình cho ông Nguyễn Hà Nam - Kế toán trưởng của Công ty, theo đó, tại ngày 30/6/2016, Ngân hàng TMCP Bắc Á không còn nắm giữ cổ phần tại Công ty, còn ông Nguyễn Hà Nam nắm giữ 17,33% vốn điều lệ của Công ty.

Trong kỳ Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với Ngân hàng TMCP Bắc Á như sau:

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Tiền gửi Ngân hàng		
- Phát sinh tăng	99.185.825.471	92.016.766.717
- Phát sinh giảm	101.635.249.121	91.906.111.149
Thanh toán giá trị trái phiếu thông qua Công ty	1.066.414.643.356	5.182.144.998.656
Vay tiền	-	5.400.000.000
Trả tiền vay	-	2.200.000.000
Chi phí lãi vay	45.250.001	144.600.001
Lãi vay đã trả	-	3.850.000
Chi phí thuê văn phòng	86.400.000	240.000.000
Doanh thu Tư vấn	45.454.450	45.454.545
Doanh thu môi giới	-	191.717.145
Doanh thu lưu ký chứng khoán	103.869.148	84.627.050
Doanh thu phí chuyển tiền	16.500.000	13.200.000

***Số dư với các bên liên quan***

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
<b>Ngân hàng TMCP Bắc Á</b>		
Tiền gửi Ngân hàng	35.670.902.575	30.963.065.466
Phải thu lãi tiền gửi	755.783.333	2.552.666.666
Phải trả lãi tiền vay	47.750.001	2.500.000
Vay ngắn hạn	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>Tổng Giám đốc</b>		
Tam ứng	189.500.000	-

***Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc***

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị	168.000.000	250.000.000

**2. Các khoản công nợ tiềm tàng**

Không có khoản công nợ tiềm tàng nào khác cần điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B05 - CTCK

3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán kỳ đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

4. Công cụ tài chính

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), có hiệu lực đối với các Báo cáo tài chính từ kỳ 2011 trở đi. Tuy nhiên, Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

4.1. Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	Cuối kỳ	Đầu kỳ
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.975.219.245	32.099.797.188
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.951.876.894	3.520.732.978
<b>Cộng</b>	<b>34.927.096.139</b>	<b>35.620.530.166</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	1.000.000.000	1.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	872.577.893	616.532.547
Chi phí phải trả	47.750.001	109.959.699
<b>Cộng</b>	<b>1.920.327.894</b>	<b>1.726.492.246</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

4.2. Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông/chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông/chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

4.3. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Mẫu số B05 - CTCK**

**4.3.1 Quản lý rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**4.3.2 Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

**4.3.3 Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phái sinh và tài sản tài chính phi phái sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Khoản mục	Dưới 1 năm	Từ 1 năm - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
<b>NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH</b>				
<b>Số dư cuối kỳ</b>				
Vay và nợ	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	872.577.893	-	-	872.577.893
Chi phí phải trả	47.750.001	-	-	47.750.001
<b>Cộng</b>	<b>1.920.327.894</b>	-	-	<b>1.920.327.894</b>
<b>Số dư đầu kỳ</b>				
Vay và nợ	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	616.532.547	-	-	616.532.547
Chi phí phải trả	109.959.699	-	-	109.959.699
<b>Cộng</b>	<b>1.726.492.246</b>	-	-	<b>1.726.492.246</b>
<b>TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>				
<b>Số dư cuối kỳ</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.975.219.245	-	-	32.975.219.245
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.951.876.894	-	-	1.951.876.894
<b>Cộng</b>	<b>34.927.096.139</b>	-	-	<b>34.927.096.139</b>
<b>Số dư đầu kỳ</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.099.797.188	-	-	32.099.797.188
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.520.732.978	-	-	3.520.732.978
<b>Cộng</b>	<b>35.620.530.166</b>	-	-	<b>35.620.530.166</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Mẫu số B05 - CTCK**

**5. Báo cáo bộ phận**

Công ty không lập báo cáo bộ phận bởi vì Công ty không có các lĩnh vực kinh doanh mà lĩnh vực này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các lĩnh vực kinh doanh khác, đồng thời Công ty cũng không có chi nhánh.

**6. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên báo cáo tình hình tài chính là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY ACA - Chi nhánh Miền Trung, Số liệu so sánh trên báo cáo thu nhập toàn diện và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY ACA - Chi nhánh Miền Trung. Trong đó, một số chỉ tiêu đã được trình bày và phân loại lại để phù hợp với mục đích so sánh do Công ty áp dụng hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 có hiệu lực từ ngày 01/01/2016.

Cao Thị Hương  
Người lập biểu

Nguyễn Hà Nam  
Kế toán trưởng



Đặng Thái Nguyên  
Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 10 tháng 8 năm 2016